

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CB
TỈNH CB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/2020/QĐST- HNGĐ

CB, ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án **hôn nhân gia đình** thụ lý số: **74/2020/TLST- HNGĐ** ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Hoàng Thị L** – Sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm 05, N P, H Đ, thành phố CB, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* **Triệu Văn Q**

Địa chỉ: Xóm 05, N P, H Đ, thành phố CB, tỉnh CB.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hoàng Thị L – Sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm 05, N P, H Đ, thành phố CB, tỉnh CB.

Anh Triệu Văn Q

Địa chỉ: Xóm 05, N P, H Đ, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Triệu Văn Q.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng, chị Hoàng Thị L và anh Triệu Văn Q có 01 con chung là Triệu Đại L (sinh ngày 23/3/2014; giới tính: Nam).

Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau:

Anh Triệu Văn Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Đại L (sinh ngày 23/3/2014; giới tính: Nam) cho đến khi con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Triệu Đại L.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung:** Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Các bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Chị Hoàng Thị L và anh Triệu Văn Q mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung công quỹ Nhà nước.

Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận chị Hoàng Thị L chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Tổng số tiền án phí chị L phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000736 ngày 02/6/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố CB, tỉnh CB. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- **UBND xã H Đ, TPCB;**
- Dương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thúy Hằng